

PHỤ LỤC
NỘI DUNG, TÀI LIỆU CHỨNG MINH
MỨC ĐỘ ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

(Kèm theo Công văn số/UBND-TP ngày tháng 5 năm 2026 của UBND xã Quế Sơn Trung

Tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật	Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật	Tài liệu chứng minh	Cơ quan tham mưu	Cơ quan phối hợp
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật			
Chỉ tiêu 1	<i>Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>			
	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái với quy định pháp luật/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100</i>	- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho chính quyền cấp xã (nếu có). - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân xã (nếu có).	Văn phòng HĐND & UBND	Các cơ quan chuyên môn, trung tâm thuộc UBND xã
Chỉ tiêu 2	<i>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy</i>			

	<i>phạm pháp luật</i>			
	Tỷ lệ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100</i>	- Hồ sơ, văn bản, tài liệu, hình ảnh chứng minh việc truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, UBND xã trong quá trình xây dựng - Đường dẫn liên kết (link) đăng tải hồ sơ lấy ý kiến các dự thảo VBQPPL phát sinh trong năm đánh giá trên Trang thông tin điện tử của UBND xã hoặc hình ảnh niêm yết việc tổ chức lấy ý kiến công khai (trong trường hợp chưa vận hành hoặc Trang TTĐT bị sự cố kỹ thuật)	Văn phòng HĐND&UBND	Phòng Văn hóa - Xã hội
<i>Chỉ tiêu 3</i>	<i>Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>			
	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã phải thực hiện tự kiểm tra theo quy định trong năm đánh giá) x 100</i>	- Danh mục VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành trong năm đánh giá; - Hồ sơ, văn bản, tài liệu liên quan việc thực hiện tự kiểm tra VBQPPL của HĐND, UBND xã	Văn phòng HĐND &UBND	Các cơ quan chuyên môn, trung tâm thuộc UBND xã

Tiêu chí 2	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật			
Chỉ tiêu 1	<i>Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin</i>			
	1. Thực hiện lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện. Có Danh mục thông tin theo quy định của pháp luật và cập nhật thường xuyên	- Các Danh mục thông tin được lập, phân loại, cập nhật theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 về hướng dẫn Luật Tiếp cận thông tin.	Văn phòng HĐND & UBND	Các phòng ban chuyên môn thuộc UBND xã và Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã
	2. Đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin Đăng tải Danh mục thông tin (Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã hoặc hình thức phù hợp khác.	- Đường dẫn liên kết (link) đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã hoặc hình ảnh niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân xã hoặc hình thức phù hợp khác. - Báo cáo kết quả thực hiện (độc lập hoặc lồng ghép) thể hiện được các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 về hướng dẫn Luật Tiếp cận thông tin.	Phòng Văn hoá- Xã hội	
Chỉ tiêu 2	<i>Thực hiện công khai văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã sau khi ban hành theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin</i>			

	Tỷ lệ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã sau khi ban hành được công khai theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân xã sau khi ban hành được công khai theo quy định/Tổng số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được thông qua và Quyết định của Ủy ban nhân dân xã phải thực hiện công khai theo quy định trong năm đánh giá) x 100</i>	- Đường dẫn liên kết (link) đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã hoặc hình ảnh niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân xã hoặc hình thức phù hợp khác. - Báo cáo kết quả thực hiện (độc lập hoặc lồng ghép) thể hiện được các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 về hướng dẫn Luật Tiếp cận thông tin.	Phòng Văn hoá-Xã hội	Văn phòng HĐND và UBND
Chỉ tiêu 3	Thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin			
	Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp trong năm đánh giá) x 100</i> (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được xác định là đạt chỉ tiêu này)	- Sở theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu. Kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin đối với các thông tin thuộc phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin của UBND xã quy định tại khoản 1 Điều 9, điểm h khoản 2 Điều 9 của Luật Tiếp cận thông tin. - Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu (nếu có). - Báo cáo kết quả thực hiện (độc lập hoặc lồng ghép), trong đó	Văn phòng HĐND & UBND	Các cơ quan chuyên môn, trung tâm thuộc UBND xã

		nêu rõ số thông tin được yêu cầu cung cấp; số thông tin đã cung cấp theo quy định pháp luật; số trường hợp từ chối cung cấp thông tin, kèm văn bản thông báo việc từ chối cung cấp thông tin theo quy định...		
Chỉ tiêu 4	<i>Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</i>			
	1. Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	Kế hoạch được ban hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc trong 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch trong trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố không có yêu cầu về thời hạn	Văn phòng HĐND & UBND	Các cơ quan chuyên môn, trung tâm thuộc UBND xã
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100</i> (Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)	- Báo cáo của UBND cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch và các văn bản, tài liệu phục vụ tổ chức, triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch, trong đó nêu rõ các nhiệm vụ Kế hoạch PBGDPL phải thực hiện và các nhiệm vụ đã thực hiện trong năm. - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế	Văn phòng HĐND & UBND	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, Công an xã, Ban chỉ huy quân sự xã

		hoạch (nếu có)		
Chỉ tiêu 5	<i>Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật</i>			
	Ủy ban nhân dân xã thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật sau đây: - Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến; - Ứng dụng công nghệ số trong tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ nhân lực làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Trang Thông tin điện tử của xã và có sự kết nối với Cổng Pháp luật Quốc gia. - Sử dụng mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến khác để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật (ít nhất một trong các hình thức sau: Zalo OA, Facebook Fanpage, Youtube...); - Xây dựng, số hoá các tài liệu, sản phẩm truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật như video clip hoặc podcast hoặc audio...; - Xây dựng chatbox giải đáp pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tin nhắn điện thoại; - Hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số khác bảo đảm phù hợp với thực tiễn.	- Hồ sơ, văn bản, tài liệu chứng minh kết quả thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật như: Kế hoạch, công văn, báo cáo..., địa chỉ đường link trên Trang TTĐT, mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ (nếu có) - Báo cáo kết quả thực hiện (độc lập hoặc lồng ghép), trong đó nêu rõ các hoạt động thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật)	- Phòng Văn hoá-Xã hội; - Văn phòng HĐND & UBND; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan	
Chỉ tiêu 6	<i>Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công</i>			

	<i>tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</i>			
	1. Ủy ban nhân dân xã bố trí công chức, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã	Quyết định công nhận/kiện toàn tuyên truyền viên pháp luật cấp xã.	Văn phòng HĐND & UBND	
	2. Tỷ lệ nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã ban hành được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện/Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong Kế hoạch) x 100</i>	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật. - Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt. - Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về phân bổ, bố trí, sử dụng kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; mức độ đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã phê duyệt.	Văn phòng HĐND & UBND	Phòng Kinh tế
	3. Tỷ lệ tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn xã) x 100</i>	- Quyết định thành lập/kiện toàn tuyên truyền viên pháp luật cấp xã. - Kế hoạch tổ chức tập huấn, giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn.	Văn phòng HĐND & UBND	

		- Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn. - Danh sách tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật (có xác nhận của UBND xã) - Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn.		
Chỉ tiêu 7	<i>Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý</i>			
	1. Ban hành kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý	Kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý do UBND xã ban hành (ban hành riêng hoặc được lồng ghép trong các Kế hoạch của UBND xã)	Văn phòng HĐND & UBND	
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế / Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong kế hoạch) x 100</i> (Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)	- Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện Kế hoạch (báo cáo độc lập hoặc lồng ghép) và các văn bản, tài liệu phục vụ tổ chức, triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch (nếu có)	Văn phòng HĐND & UBND	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
	3. Xây dựng chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Trang Thông tin điện tử của xã và được cập nhật đầy đủ, kịp thời; Có chuyên mục chính sách, pháp luật và được cập nhật đầy đủ, kịp thời	- Đường link chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Trang TTĐT của xã. - Tài liệu, văn bản liên quan việc xây dựng chuyên mục chính	Phòng Văn hoá-Xã hội	Văn phòng HĐND và UBND xã

		sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Trang Thông tin điện tử xã - Báo cáo kết quả cập nhật chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý (báo cáo độc lập hoặc lồng ghép)		
Tiêu chí 3	Hoà giải ở cơ sở			
Chỉ tiêu 1	<i>Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>			
	1. Tỷ lệ tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn đáp ứng yêu cầu về số lượng, thành phần theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số tổ hoà giải phải thành lập, kiện toàn trên địa bàn xã) x 100</i> (Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu thành lập, kiện toàn tổ hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	- Danh sách tổ hòa giải. - Quyết định thành lập/kiện toàn tổ hòa giải và công nhận Tổ trưởng tổ hòa giải, Hòa giải viên.	Văn phòng HĐND & UBND	
	2. Tỷ lệ hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số hoà giải viên phải thực hiện bầu, công nhận, cho thôi trên địa bàn xã) x 100</i> (Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu kiện toàn, công nhận, cho thôi hòa giải viên được	- Hồ sơ bầu hòa giải viên - Báo cáo kết quả thực hiện việc bầu, công nhận, cho thôi hòa giải viên trên địa bàn xã (độc lập hoặc lồng ghép), trong đó nêu rõ quá trình bầu, công nhận, cho thôi hòa giải viên đối với các tổ hòa giải trên địa bàn	- UBMTTQVN xã. - Văn phòng HĐND & UBND;	

	xác định là đạt chỉ tiêu này)			
Chỉ tiêu 2	<i>Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>			
	1. Tỷ lệ các vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải theo quy định/Tổng số vụ, việc hoà giải đã tiếp nhận trên địa bàn xã) x 100</i> (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	- Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Văn bản hòa giải thành (nếu có). - Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở.	Văn phòng HĐND & UBND	
	2. Tỷ lệ các vụ, việc hoà giải ở cơ sở được hoà giải thành <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc đã hòa giải theo quy định) x 100</i> (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)	- Báo cáo của tổ trưởng tổ hòa giải về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải.	Văn phòng HĐND & UBND	
Chỉ tiêu 3	<i>Có sự phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở</i>			
	Tỷ lệ tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở sau đây: - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ sau đây tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở: luật sư, luật gia, trợ giúp viên pháp lý, Hội thẩm nhân	Hồ sơ, tài liệu (kế hoạch, giấy mời, danh sách, báo cáo, quyết định công nhận hòa giải viên...) thể hiện có sự tham gia của một trong những đối tượng là luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp	Văn phòng HĐND & UBND	

	dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật. - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên hỗ trợ pháp lý hoặc tư vấn cho tổ hòa giải để giải quyết vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở. - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hoà giải viên. - Các hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức khác trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hoà giải ở cơ sở / Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn xã) x 100</i>	luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ pháp lý, tư vấn cho tổ hòa giải để giải quyết vụ, việc hoặc tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên/tổ hòa giải... - Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở, trong đó nêu rõ số tổ hòa giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở		
Chỉ tiêu 4	Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác hòa giải ở cơ sở theo của quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở			
	1. Ủy ban nhân dân xã bố trí công chức làm công tác hoà giải ở cơ sở, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn xã. Có văn bản phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; cơ sở vật chất,	- Văn bản phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở. - Báo cáo (độc lập hoặc lồng ghép) về điều kiện cơ sở vật	Văn phòng HĐND & UBND	

	phương tiện bảo đảm triển khai công tác hoà giải ở cơ sở	chất, phương tiện triển khai công tác hoà giải.		
	2. Tỷ lệ hoà giải viên được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên ở cơ sở được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số hoà giải viên trên địa bàn xã) x 100</i>	- Hồ sơ, tài liệu, văn bản có nội dung về việc cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên (Kế hoạch, Công văn, tài liệu ...) - Danh sách hòa giải viên được công nhận, danh sách hòa giải viên được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải ở cơ sở (có xác nhận của UBND xã).	Văn phòng HĐND & UBND	
	3. Tỷ lệ tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí hoạt động đúng mức chi theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100</i>	- Hồ sơ, tài liệu thực hiện việc chi kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, hòa giải viên	Văn phòng HĐND & UBND	Phòng Kinh tế
	4. Tỷ lệ vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hoà giải đã giải quyết) x 100</i>	- Danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo quy định	Văn phòng HĐND & UBND	Phòng Kinh tế